

Bản án số: 01/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 22 - 7 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà,

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn và bà Hoàng Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Lại Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST- HNGĐ ngày 23/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bích T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Lâm Đồng (Địa chỉ cũ: Thôn Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Minh D, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Lâm Đồng (Địa chỉ cũ: Thôn Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác: Không

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 21/11/2024, cũng như quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị Bích T trình bày: Bà Phạm Thị Bích T và ông Lê Minh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ (nay là UBND xã T, tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 10/9/2008, việc đăng ký kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, lừa dối. Quá trình chung sống bà Phạm Thị Bích T và ông Lê Minh D có 03 con chung là Lê Đình D, sinh ngày 02/01/2014, Lê Huỳnh Q, sinh ngày 27/8/2009 và Lê Phạm A, sinh ngày 10/02/2023 là đang dưới 18 tuổi. Đối với con chung Lê Vĩnh P, sinh

ngày 29/07/2003 hiện đã thành niên. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do hai bên không cùng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận. Vì vậy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phạm Thị Bích T viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các mối quan hệ trên như sau:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Bích T xin được ly hôn với ông Lê Minh D.

Về con chung: Bà Phạm Thị Bích T có nguyện vọng nuôi 03 con chung là Lê Đình D, sinh ngày 02/01/2014, Lê Huỳnh Q, sinh ngày 27/8/2009 và Lê Phạm A, sinh ngày 10/02/2023 đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Đối với Lê Vĩnh P, sinh ngày 29/07/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn ông Lê Minh D:* Hiện đang thường trú và sinh sống tại địa phương nhưng không chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án. Căn cứ biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông D tại địa phương thể hiện giữa bà T và ông D xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Tuy nhiên, bà T không có đề nghị chính quyền địa phương hòa giải. Trên cơ sở nội dung xác minh và lời trình bày mâu thuẫn phát sinh giữa bà T và ông D. Căn cứ vào các tài liệu thu thập được Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Ý kiến các con chung của bà T và ông D:* Tại các biên bản lấy lời khai ngày 04/04/2025 đối với Lê Đình D, sinh ngày 02/01/2014 và Lê Huỳnh Q, sinh ngày 27/8/2009 trình bày: Trường hợp bà T và ông D ly hôn thì nguyện vọng các con chung là xin được ở với bà T.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và việc giải quyết vụ án:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không chấp hành việc tham gia tố tụng tại phiên tòa theo quy định của BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Bích T về việc ly hôn với ông Lê Minh D.

Về con chung: Đề nghị giao 03 con chung chưa thành niên là Lê Đình D, sinh

ngày 02/01/2014 và Lê Huỳnh Q, sinh ngày 27/8/2009 và Lê Phạm A, sinh ngày 10/02/2023 cho bà T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Đối với con chung Lê Vĩnh P, sinh ngày 29/07/2003 hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.
Những yêu cầu kiến nghị khác phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ngày 21/11/2024 bà Phạm Thị Bích T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông Lê Minh D và yêu cầu giải quyết con chung. Vì vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là thôn Đ, xã T, tỉnh Lâm Đồng). Vì vậy, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự để tham gia giải quyết vụ án và xét xử. Tuy nhiên, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn không có mặt theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt bị đơn. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

[3] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Bích T, sinh năm 1985 và ông Lê Minh D, sinh năm 1981 có đăng ký kết hôn vào ngày 10/09/2008, tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng). Khi kết hôn cả hai bên đều tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối. Vào thời điểm kết hôn, bà T và ông D đều đã đủ tuổi kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện không ép buộc. Vì vậy, căn cứ nguyên nhân ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xô xát, không hợp nhau. Xác minh trình trạng hôn nhân tại địa phương thể hiện: Tòa án căn cứ lời khai của các đương sự để giải quyết, không nắm được thông tin gì khác. HĐXX xét thấy, hiện nay các bên đã không chung sống với nhau nên trình trạng hôn nhân đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ.

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D là hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

[4]. Về con chung: HĐXX xét thấy việc bà T có nguyện vọng xin nuôi các con chung

phù hợp với lời trình bày của các con chung bà T và ông D. Vì vậy, HĐXX cần giao các con chung là Lê Đình D, sinh ngày 02/01/2014, Lê Huỳnh Q, sinh ngày 27/8/2009 và Lê Phạm A, sinh ngày 10/02/2023 cho bà Phạm Thị Bích T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Đối với Lê Vĩnh P, sinh ngày 29/07/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Bích T không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

Các bên đương sự được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Trường hợp một trong các bên lạm dụng quyền thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Người không nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bà Phạm Thị Bích T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền bà T đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 170, Điều 173, Điều 174, Điều 177, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Bích T.

[1] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Bích T được ly hôn với ông Lê Minh D.

[2] Về con chung: Giao các con chung là Lê Đình D, sinh ngày 02/01/2014, Lê Huỳnh Q, sinh ngày 27/8/2009 và Lê Phạm A, sinh ngày 10/02/2023 cho bà Phạm Thị Bích T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Đối với Lê Vĩnh P, sinh ngày 29/07/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Thị Bích T không yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Ông Lê Minh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị Bích T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 00061xx ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực A).

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND khu vực 8-Lâm Đồng;
- Phòng Thi hành án Dân sự khu vực A;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*Đã ký và đóng dấu*)

Hoàng Thị Thu Hà